

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2025/DS-PT

Ngày: 19/08/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 501/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Hoàng Â, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Tô Mỹ L, sinh năm 1970;

2.2. Bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Dương Lệ T; sinh năm 1958;

3.2. Bà Dương Ngọc V, sinh năm 1987;

3.3. Bà Dương Lệ H, sinh năm: 1980;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

3.4. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà V, bà H, bà T1: Ông Dương Hoàng Á, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (Theo giấy ủy quyền ngày 21/3/2025).

3.5. Bà Đinh Thị T2 (T3), sinh năm 1935;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1.

(Ông Á, bà L và bà L1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Dương Hoàng Á và là người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Lệ T4, bà Dương Ngọc V, bà Dương Lệ H, bà Dương Thị T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm như sau:

Ngày 26/01/2021, ông Dương Văn D có ký “Giấy sang nhượng đất” với hai mẹ con bà Tô Mỹ L và bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1. Theo đó, bà L và bà L1 đồng ý chuyển nhượng cho ông D một phần đất có diện tích là 6.400m² với giá ghi trong giấy sang nhượng đất là 200.000.000đ nhưng thực tế hai bên thỏa thuận giá là 280.000.000đ. Số tiền 80.000.000đ là tiền bà L vay ông D nhiều lần mà không có tiền trả nên đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông D. Ông D đã đưa 200.000.000đ cho bà L và bà L1 tại nhà ông D có người làm chứng là ông Võ Trúc P. Tuy nhiên bà L và bà L1 không tiến hành chuyển nhượng đất cho ông D do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông D chết ngày 01/01/2022, ông là con ông D đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Dương Lệ T, Dương Ngọc V, Dương Thị Lệ H, Dương Thị T1 (những người thuộc hàng thừa kế của ông D) khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/01/2021 vô hiệu, yêu cầu bà L và bà L1 liên đới trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Duyên số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là

200.000.000đ và yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả những người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Duyên số tiền vay nợ là 80.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Ông không đồng ý với phương thức trả dần của bà L và yêu cầu bà L1 liên đới với bà L trả nợ.

Bị đơn bà Tô Mỹ L trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông A, giữa bà và ông D có thỏa thuận sang nhượng đất với giá chuyển nhượng là 280.000.000đ, sau khi ký giấy bà nhận 200.000.000đ, sau đó ông D đưa thêm 80.000.000. Bà không có đất để chuyển nhượng cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D nên tôi đồng ý trả lại tiền chuyển nhượng là 280.000.000đ. Việc chuyển nhượng là cá nhân bà không liên quan đến con bà là Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1. Do kinh tế khó khăn nên bà đề nghị trả dần mỗi tháng 200.000đ cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1 trình bày: Vào ngày 26/01/2021 bà Tô Mỹ L đến nhà ông Dương Văn D để ký giấy sang nhượng đất, tôi đến sau mẹ tôi khoảng 30 phút. Khi tôi đến, ông D đề nghị tôi ký vào giấy sang nhượng đất với tư cách làm chứng là con cái có biết chuyện và không phản đối việc sang nhượng đất này, ký xong tôi đi về luôn. Chuyện tiền bạc là ông D với bà L trao đổi với nhau tôi không biết. Số tiền trên giấy là 200.000.000đ mẹ tôi giữ, số tiền 80.000.000đ ông D đưa sau tôi không biết vì lúc đó tôi đang sống bên chồng ở khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An nên tôi không đồng ý liên đới trả nợ với mẹ tôi là bà L cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị T5 (Thiêm) vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày như sau: Tôi là mẹ ruột ông D, tôi có biết việc ông D mua đất nhưng sau đó con tôi mất mà vẫn chưa thực hiện xong hợp đồng. Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A vì đó là tiền của con tôi, tôi đồng ý để số tiền 280.000.000đ cho vợ và các con ông D tự định đoạt, tôi không có tranh chấp với số tiền này. Vì lý do tuổi già nên tôi xin Tòa án xét xử vắng mặt tôi, việc vắng mặt này là tự nguyện, tôi cam kết không khiếu nại gì về sau.

Người làm chứng ông Võ Trúc P vắng mặt nhưng vẫn bản trình bày ý kiến như sau: Tôi là người quen của ông Dương Văn D, tôi là người làm chứng kiến việc ông D làm hợp đồng chuyển nhượng đất với bà L tại nhà ông D. Bà L1 là con bà L có mặt xuyên suốt quá trình bàn bạc, giao 200.000.000đ tiền mua đất cho bà L, bà L1 có chứng kiến và tham gia kiểm tra tiền giao cho bà L cất giữ đồng thời cùng bà L ký giấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông D. Còn 80.000.000đ còn lại tôi nghe ông D nói đã giao cho bà L từ trước rồi. Vì lý do công việc tôi đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi, việc xin vắng mặt là tự nguyện cam kết không khiếu nại gì về sau.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.(nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Tây Ninh) tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2025/DS-ST ngày 21 tháng 2 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.(nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh) đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127 Luật đất đai năm 2003, Điều 129, 131, 502, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Hoàng Á đối với bị đơn bà Tô Mỹ L và bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/01/2021 giữa ông Dương Văn D (đã chết) với bà Tô Mỹ L và bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1.

Buộc bà Tô Mỹ L và bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1 có nghĩa vụ trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D là ông Dương Hoàng Á, bà Dương Lệ T, bà Dương Ngọc V, bà Dương Lệ H, bà Dương Thị T1, bà Dương Thị T5 (Thiêm) 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Buộc bà Tô Mỹ L có nghĩa vụ trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D là ông Dương Hoàng Á, bà Dương Lệ T, bà Dương Ngọc V, bà Dương Lệ H, bà Dương Thị T1, bà Dương Thị T5 (Thiêm) 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Tô Mỹ L và bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim M Luôn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước cho việc tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và 10.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước.

Bị đơn bà Tô Mỹ L phải chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Nguyên đơn ông Dương Hoàng Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho ông Á số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0004162 ngày 25/10/2024 của Chi cục

thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Tây Ninh).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1 kháng cáo không đồng ý với án sơ thẩm đã xử, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Dương Hoàng A không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1 không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết các vấn đề có tranh chấp trong vụ án.

Trong phần tranh luận:

Bà Tô Mỹ L trình bày: Về số tiền vay 200.000.000 đồng bà đã nhận của gia đình ông A và bà H nhiều lần mỗi lần từ 5 đến 10 triệu đồng, sau này vợ chồng ông A – bà H gây áp lực nên buộc bà phải ký giấy bán đất, nhưng đất bên chồng cho chưa được cấp giấy, việc mua bán không thành thì bà xin trả dần số tiền trên và một mình bà trả chứ con bà là Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim M Luôn chỉ ký tên chứng kiến chứ không có nhận tiền.

Bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1 trình bày: Bà không có nhận tiền và đếm tiền phụ mẹ của bà, số tiền trên bà không có sử dụng, bà chỉ là người ký tên chứng kiến nên nay bà không đồng ý cùng với mẹ bà liên đới trả nợ cho ông A.

Ông Dương Hoàng A trình bày: Việc giao nhận tiền thì bà L và bà L1 đều ký tên bên bán đất và cùng nhận tiền, đếm tiền nên nay ông yêu cầu mẹ con cùng trả như án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung kháng cáo:* Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim M Luôn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy quyết định buộc bà L1 liên đới cùng bà L trả số tiền 200.000.000đ.

Bà L1 kháng cáo không chấp nhận liên đới cùng bà L trả 200.000.000đ cho người thừa kế của ông D vì bà L1 cho rằng chỉ đi cùng bà L để làm chứng việc chuyển nhượng đất, không giữ và sử dụng số tiền này, người sử dụng số tiền này là bà L. Tuy nhiên, Giấy sang nhượng đất ngày 26/01/2021 thì bà L1 ký vào mục "Bên

bán"; mặc dù trong Giấy sang nhượng đất ngày 26/01/2021 có mục là người làm chứng nhưng bà L1 cho rằng là bà người làm chứng nhưng bà không ký tên ở mục người làm chứng. Bên cạnh đó người làm chứng ký trong Giấy sang nhượng đất chỉ ghi có ông Võ Trúc P và ông P có lời khai "...Bà L1 là con bà L có mặt xuyên suốt quá trình bàn bạc, giao 200.000.000đ tiền mua đất cho bà L, bà L1 có chứng kiến và tham gia kiểm tra tiền giao cho bà L cất giữ đồng thời cùng bà L ký giấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông D..". Do đó bà L1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Duyên số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 200 triệu đồng.

Từ những phân tích trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1 không đồng ý cùng bà L liên đới trả cho người thừa kế của ông D là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1. Căn cứ khoản 1, Điều 308 BLTTDS, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim M Luôn đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1 thấy rằng:

[3.1] Số tiền vay 80.000.000 đồng bà L thừa nhận và đồng ý hoàn trả cho ông Á, nội dung này không bị kháng cáo kháng nghị, nên không xét đến.

[3.2] Đối với số tiền 200.000.000 đồng trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận thì bà L1 không đồng ý cùng bà L hoàn trả cho ông Á, cấp sơ thẩm buộc bà L1 cùng trả, bà L1 không đồng ý nên kháng cáo.

Tuy nhiên, Giấy sang nhượng đất ngày 26/01/2021 thì bà L1 ký vào mục "*Bên bán*"; mặc dù trong Giấy sang nhượng đất ngày 26/01/2021 có mục là người làm chứng nhưng bà L1 cho rằng là bà người làm chứng nhưng bà không ký tên ở mục người làm chứng. Bên cạnh đó người làm chứng ký trong Giấy sang nhượng đất chỉ ghi có ông Võ Trúc P và ông P có lời khai "...Bà L1 là con bà L có mặt xuyên suốt quá trình bàn bạc, giao 200.000.000đ tiền mua đất cho bà L, bà L1 có chứng kiến và tham gia kiểm tra tiền giao cho bà L cất giữ đồng thời cùng bà L ký giấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông D..".

Do đó cấp sơ thẩm xác định bà L1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Duyên số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 200.000 đồng có căn cứ.

Bà L1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2-Tây Ninh).

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 127 Luật đất đai năm 2003, Điều 129, 131, 502, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Hoàng Ân đối với bị đơn bà Tô Mỹ L và bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/01/2021 giữa ông Dương Văn D (đã chết) với bà Tô Mỹ L và bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1.

Buộc bà Tô Mỹ L và bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim Mỹ L1 có nghĩa vụ trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D là ông Dương Hoàng Ân, bà Dương

Lê T, bà Dương Ngọc V, bà Dương Lê H, bà Dương Thị T1, bà Dương Thị T5 (Thiêm) 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Buộc bà Tô Mỹ L có nghĩa vụ trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D là ông Dương Hoàng A, bà Dương Lê T, bà Dương Ngọc V, bà Dương Lê H, bà Dương Thị T1, bà Dương Thị T5 (Thiêm) 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tô Mỹ L và bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim M Luôn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước cho việc tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và 10.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước.

Bà Tô Mỹ L phải chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Ông Dương Hoàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho ông A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004162 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Tô Thị Ngọc Kim M L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là: 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L1 đã nộp theo Biên lai thu số 0003712 ngày 30/5/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Hóa chuyển sang án phí.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

-Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.Hồ Chí Minh;
-VKSND tỉnh Tây Ninh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND khu vực 2- Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đường sự
- Lưu .

Đặng Văn Những